



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số : 46/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương được lập ngày 20/02/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

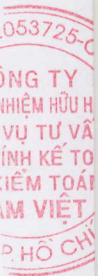
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến

Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2009



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.844.897.239	33.643.634.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.186.912.468	8.500.536.968
1. Tiền	111	V.1	10.186.912.468	8.500.536.968
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.620.381.920	7.164.806.374
1. Phải thu khách hàng	131		13.852.112.400	4.489.581.640
2. Trả trước cho người bán	132		10.046.513.236	1.915.865.050
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	721.756.284	759.359.684
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	16.016.602.851	17.978.291.572
1. Hàng tồn kho	141		16.016.602.851	17.978.291.572
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.000.000	-
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.070.804.086	119.086.011.810
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.070.804.086	119.086.011.810
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	91.130.329.196	118.230.261.920
- Nguyên giá	222		177.198.900.041	175.976.932.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.068.570.845)	(57.746.670.085)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	430.373.180	103.180
- Nguyên giá	228		430.373.180	103.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	510.101.710	855.646.710
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.915.701.325	152.729.646.724



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.136.187.066	94.599.350.619
I. Nợ ngắn hạn	310		38.080.829.566	29.527.350.619
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	4.084.150.000	3.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		9.804.730.247	5.577.027.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	14.073.808.104	8.539.917.459
4. Phải trả người lao động	315		3.742.389.154	1.891.580.790
5. Chi phí phải trả	316		45.000.000	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9	6.330.752.061	10.018.824.579
II. Nợ dài hạn	330		40.055.357.500	65.072.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	40.000.000.000	65.000.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		55.357.500	72.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.779.514.259	58.130.296.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	64.610.833.612	58.073.257.333
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.788.954.928	6.312.604.522
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.145.123.537	566.820.832
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.676.755.147	11.193.831.979
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		168.680.647	57.038.772
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		168.680.647	57.038.772
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		142.915.701.325	152.729.646.724



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Tăng Thị Thanh

Vũ Hồng Tứ

Nguyễn Văn Hách

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2009

2053725
 CÔNG TY
 NIỆM HỮU
 VỤ TƯ VẤN
 HÌNH KẾ TOÁN
 KIỂM TOÁN
 AM VIỆT
 P. HỒ CH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	362.828.643.037	223.516.176.145
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	142.597.175.384	79.827.936.512
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	220.231.467.653	143.688.239.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	179.895.060.360	109.993.364.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.336.407.293	33.694.874.850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	417.741.861	388.792.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	7.570.423.611	8.712.603.562
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.570.423.611	8.712.603.562
8. Chi phí bán hàng	24		5.115.092.188	4.042.337.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.180.515.494	5.264.762.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.888.117.861	16.063.964.046
11. Thu nhập khác	31		2.051.000	-
12. Chi phí khác	32		859.917.200	-
13. Lợi nhuận khác	40		(857.866.200)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.030.251.661	16.063.964.046
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.557.767.278	964.398.825
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.472.484.383	15.099.565.221
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4.118	4.055

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tăng Thị Thanh

Vũ Hồng Tứ

Nguyễn Văn Hách

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			21.030.251.661	16.063.964.046
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		28.501.215.760	19.557.084.576
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(417.741.861)	(388.792.516)
- Chi phí lãi vay	06		7.570.423.611	8.712.603.562
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.684.149.171	43.944.859.668
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.471.575.546)	524.716.347
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.961.688.721	(10.333.224.293)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.516.778.430	13.669.110.633
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.485.979.167)	(8.712.603.562)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.622.153.705)	(877.846.295)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.028.266.242)	8.641.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.554.641.662	38.223.654.197
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.486.008.036)	(24.643.644.778)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		417.741.861	388.792.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.068.266.175)	(24.254.852.262)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	16.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25.000.000.000)	(24.000.000.000)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.799.999.987)	(7.506.838.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.799.999.987)	(14.906.838.800)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2008

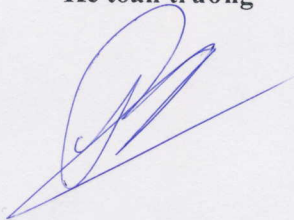
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.686.375.500	(938.036.865)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.I	8.500.536.968	9.438.573.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.186.912.468	8.500.536.968

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Tăng Thị Thanh

Vũ Hồng Tứ

Nguyễn Văn Hách

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2009

2053725-
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TỰ V
HÌNH KẾ T
KIỂM TOÁ
AM VIỆT
TP. HỒ CH